

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2024/HC-PT

Ngày 14 tháng 3 năm 2024.

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 476/2023/TLPT-HC ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 325/2023/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 293/2024/QĐPT-HC ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Công ty cổ phần L2.

Địa chỉ: C số A V, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đình H, sinh năm 1956 (có mặt).

Thường trú: A B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

Ông Hà Văn T (có mặt).

Thường trú: Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: 06 đường A, khu dân cư ấp E, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

- Ông Lê Văn N – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (vắng mặt);

Địa chỉ: 6 T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Văn L – Văn phòng Luật sư Phạm Minh T1 – Chi nhánh T3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt).

Người bị kiện: Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H.

Địa chỉ: B H, phường B, Quận A, Tp ..

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:

Ông Phan Minh L1 – Phó Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H (có đơn xin vắng mặt).

(Giấy ủy quyền số 08/GUQ-HQTPHCM ngày 21/5/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn D – Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan Cục Hải quan Thành phố H (có mặt).

- Ông Nguyễn Minh T2 – Công chức Chi cục Kiểm tra sau thông quan Cục Hải quan Thành phố H (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là Công ty cổ phần L2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 2011-2012, Công ty cổ phần L2 (Công ty L2) có nhập khẩu 04 lô xăng, dầu gồm A92, A95, dầu DO, dầu Diesel theo hình thức kinh doanh tạm nhập tái xuất, thuộc 04 tờ khai hải quan số 27/NTA01 (ngày 08/12/2011), 01/NTA01 (ngày 28/04/2012), 151/NTA24 (ngày 31/05/2012) và 169/NTA24 (ngày 19/06/2012). Khi nhập khẩu các lô hàng này, Công ty L2 đã thực hiện đầy đủ các thủ tục khai hải quan và tính thuế. Sau đó, Công ty L2 đã xin thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa từ tạm nhập tái xuất sang tiêu thụ nội địa số hàng không tái xuất hết tại các Chi cục Hải quan cửa khẩu có thẩm quyền và đã đóng các loại thuế kể cả thuế phạt do nộp chậm theo quy định của pháp luật dựa trên tờ khai hải quan đã khai khi làm thủ tục tạm nhập và thủ tục khai chuyển tiêu thụ nội địa, thanh khoản tờ khai với cơ quan Hải quan có thẩm quyền.

Ngày 13/5/2013, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan ban hành Quyết định số 67/QĐ-STQ/ADT-ĐSTQ1 về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Quyết định số 67/QĐ-STQ/ADT-ĐSTQ1) ấn định thuế đối với mặt hàng “xăng dầu” tạm nhập chuyển tiêu thụ nội địa thuộc 04 tờ khai hải quan của Công ty L2 là 89.562.603.861 đồng, Công ty L2 đã nộp 63.317.867.755 đồng nên còn phải nộp là 26.244.736.106 đồng. Lý do ấn định thuế: Xác định lại thời điểm tính thuế đối với mặt hàng xăng dầu tạm nhập nhưng không tái xuất chuyển tiêu thụ nội địa.

Ngày 01/4/2014, Công ty L2 đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy toàn bộ Quyết định số 67/QĐ-STQ/ADT-ĐSTQ1.

Ngày 11/11/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án theo Bản án số 1308/2014/HC-ST tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 67/QĐ-STQ/ÂDT-DSTQ1.

Ngày 19/12/2014, Chi Cục trưởng C Kiểm tra sau thông quan ban hành Quyết định số 12/QĐ-STQ/HÂDT-DSTQ1 về việc hủy quyết định ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu hủy Quyết định số 67/QĐ-STQ/ÂDT-DSTQ1. Lý do hủy bỏ quyết định ấn định thuế: Căn cứ nội dung Bản án số 1308/HC-ST ngày 11/11/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31/8/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 18/2018/HC-GĐT hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 1308/2014/HC-ST ngày 11/11/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 11/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 621/2019/QĐST-HC do đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng người khởi kiện là Công ty L2 vắng mặt không có lý do.

Ngày 17/12/2019, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ra Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂDT-STQ về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂDT-STQ); theo đó ấn định thuế đối với mặt hàng xăng dầu tạm nhập chuyển tiêu thụ nội địa của Công ty L2 đối với 04 tờ khai hải quan của Công ty L2, số tiền thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng là 89.562.603.861 đồng, Công ty L2 đã nộp 63.317.867.755 đồng nên còn phải nộp là 26.244.736.106 đồng.

Ngày 12/11/2020, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ban hành Quyết định số 2173/QĐ-HQHCM về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền gửi nộp ngân sách Nhà nước (Quyết định số 2173/QĐ-HQHCM), lý do bị cưỡng chế: Không chấp hành Quyết định ấn định thuế số 333/QĐ-HQHCM/ÂDT-STQ.

Ngày 31/10/2022, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ban hành Quyết định số 2169/QĐ-HQTPHCM về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂDT-STQ ngày 17/12/2019 của Cục Trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Quyết định số 2169/QĐ-HQTPHCM); Quyết định được sửa đổi các nội dung như sau:

“Điều 2 của quyết định được sửa đổi như sau: “Lý do ấn định thuế: Công ty cổ phần L2 kê khai không đầy đủ, chính xác các căn cứ tính thuế làm cơ sở cho việc tính thuế quy định tại Khoản 1 Điều 39 của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Khoản 3 Điều 33 của Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung của một số điều của Luật quản lý thuế”.

Điều 3 được sửa đổi: Số tiền thuế còn phải nộp được điều chỉnh xuống còn 23.441.361.464 đồng.

Điều 4 được sửa đổi: Thời hạn nộp thuế được tính theo quy định tại Khoản 5 Điều 42 của Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ T4.

Các nội dung khác của Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ vẫn giữ nguyên”.

Ngày 22/11/2022, Cục Trưởng Cục Hải quan Thành phố H ban hành Quyết định số 2313/QĐ-HQTPHCM về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2173/QĐ-HQHCM về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền gửi nộp ngân sách Nhà nước (Quyết định số 2313/QĐ-HQTPHCM); Cụ thể sửa chữa về mã số thuế của Công ty L2 cho đúng là 0305085745 và số tiền cưỡng chế sửa đổi là 23.441.361.464 đồng.

Người khởi kiện trình bày tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung: Căn cứ Khoản 3 Điều 9 Nghị định 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005; điểm d Khoản 3 Điều 37 của Thông tư 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 thì Công ty L2 không bắt buộc phải khai lại tờ khai hải quan mới khi chuyển hàng tạm nhập thành hàng tiêu thụ nội địa và theo quy định của pháp luật thì việc tính thuế được xác định tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu. Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ được viện dẫn các điều luật sau khi Công ty L2 thực hiện xong nghĩa vụ về thuế và áp dụng Quyết định số 67/QĐ-STQ/ÂĐT-ĐSTQ1 đã bị thu hồi là không đúng quy định của pháp luật.

Công ty L2 (là nhiên liệu chứ không phải là vật tư, nguyên liệu sản xuất) nên không bị điều chỉnh bởi Khoản 9 Điều 10 Thông tư 194/2010/TT-BTC.

Theo Điều 99 của Thông tư 194/2010/TT-BTC thì thời điểm tính thuế, tỷ giá tính thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là ngày đăng ký tờ khai hải quan thuế xuất khẩu, nhập khẩu được tính theo thuế suất, trị giá tính thuế và tỷ giá tính thuế tại thời điểm tính thuế; Như vậy, Công ty L2 đã chấp hành theo các quy định của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc chuyển loại hình nợ thuế vào ngân sách Nhà nước.

Do vậy, nay Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ban hành Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ, Quyết định số 2169/ QĐ-HQHCM là không phù hợp với quy định của pháp luật nên Công ty L2 khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ, Quyết định số 2169/QĐ-HQHCM và Quyết định số 2173/QĐ-HQHCM, Quyết định số 2313/QĐ-HQHCM của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H.

Người bị kiện trình bày tại các Văn bản số 1281/HQTPHCM-STQ ngày 21/5/2021, 3077/HQTPHCM-STQ ngày 06/12/2021, 3078/HQTPHCM-STQ ngày 06/12/2021, 2528/HQTPHCM-STQ ngày 22/9/2022, 2987/HQTPHCM-STQ ngày 31/10/2022, 110/HQTPHCM-STQ ngày 13/01/2023: Thực hiện chỉ đạo của Bộ T4 và T5 yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố rà soát, kiểm tra mặt hàng xăng dầu tạm nhập tái xuất nhưng không tái xuất hoặc tái xuất không hết được chuyên tiêu thụ nội địa. Chi cục Kiểm tra sau thông quan – Cục Hải quan Thành phố H tiến hành kiểm tra, rà soát và kiểm tra sau thông quan đối với Công ty cổ phần L2 và tiến hành ấn định thuế số tiền phải nộp bổ sung là:

23.441.361.464 đồng theo điểm a Khoản 1 Điều 39 của Luật Quản lý thuế năm 2006: Người khai thuế không kê khai hoặc kê khai không đầy đủ, chính xác các căn cứ tính thuế làm cơ sở cho việc tính thuế.

Căn cứ điểm d Khoản 3 Điều 37 của Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ T4 quy định: “d) Trường hợp hàng hóa tạm nhập nhưng không tái xuất hết, doanh nghiệp đề nghị được chuyển tiêu thụ nội địa thì phải có văn bản gửi cơ quan Hải quan. Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập hàng giải quyết thủ tục nhập khẩu và thanh khoản tờ khai tạm nhập, không đăng ký tờ khai mới, doanh nghiệp chỉ khai và nộp thuế nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng (nếu có) theo quy định. Thời hạn nộp thuế, phạt chậm nộp thuế được thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 18 của Thông tư này. Hàng hóa tạm nhập chuyển tiêu thụ nội địa phải tuân thủ chính sách thuế, chính sách quản lý nhập khẩu như hàng hóa nhập khẩu theo loại hình nhập kinh doanh”.

Căn cứ Khoản 9 Điều 10 của Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ T4 quy định: Trường hợp hàng hóa là vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa kinh doanh theo phương thức tạm nhập – tái xuất, khi được tiêu thụ nội địa phải:

- a) Kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng với cơ quan Hải quan;
- b) Xác định lại trị giá tính thuế;
- c) Xác định lại thời gian nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) theo hướng dẫn tại Điều 18 của Thông tư này.

Căn cứ mục II, phần A, Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ T4 quy định: Hàng hóa thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu theo quy định nếu thay đổi mục đích sử dụng phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu theo quy định với cơ quan Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan. Thời điểm tính thuế giá trị gia tăng từ thời điểm chuyển mục đích sử dụng. Tổ chức, cá nhân bán hàng hóa ra thị trường nội địa phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng với cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo quy định.

Do vậy, Công ty cổ phần L2 nhập khẩu mặt hàng xăng dầu nhưng không tái xuất hết khi chuyển tiêu thụ nội địa thì không phải đăng ký tờ khai mới, nhưng doanh nghiệp phải nộp các loại thuế theo quy định tại thời điểm chuyển mục đích sang tiêu thụ nội địa. Bộ T4 hướng dẫn không đăng ký tờ khai mới khi chuyển loại hình từ tạm nhập – tái xuất sang tiêu thụ nội địa là muốn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần L2; giữ nguyên Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ, Quyết định số 2169/QĐ-HQHCM và Quyết định số 2173/QĐ-HQHCM, Quyết định số 2313/QĐ-HQHCM.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 325/2023/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Áp dụng Khoản 4 Điều 32, Điều 158, Điều 116, điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Áp dụng Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2006 của Bộ T4 hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;

Áp dụng Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ T4 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty cổ phần L2 yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ ngày 17/12/2019 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Quyết định số 2169/QĐ-HQTPHCM ngày 31/10/2022 của Cục Trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ ngày 17/12/2019 của Cục Trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Quyết định số 596/QĐ-HQTPHCM ngày 15/3/2023 về việc sửa đổi nội dung của Bảng kê chi tiết đính kèm Quyết định số 2169/QĐ-HQTPHCM ngày 31/10/2022; Quyết định số 2173/QĐ-HQHCM ngày 12/11/2020 của Cục Trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền gửi nộp ngân sách Nhà nước; Quyết định số 2313/QĐ-HQTPHCM ngày 22/11/2022 của Cục Trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2173/QĐ-HQHCM về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền gửi nộp ngân sách Nhà nước;

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định người khởi kiện là Công ty cổ phần L2 kháng cáo bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các bên không đối thoại với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án; Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Ngày 17/12/2019, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ra Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ); theo đó ấn định thuế đối với mặt hàng xăng dầu tạm nhập chuyển tiêu thụ nội địa của Công ty L2 đối với 04 tờ khai hải quan của Công ty L2, số tiền thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng là là **89.562.603.861** đồng, Công ty L2 đã nộp 63.317.867.755 đồng nên còn phải nộp là 26.244.736.106 đồng.

Ngày 12/11/2020, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H ban hành Quyết định số 2173/QĐ-HQHCM về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền gửi nộp ngân sách Nhà nước (Quyết định số 2173/QĐ-HQHCM), lý do bị cưỡng chế: Không chấp hành Quyết định ấn định thuế số 333/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ.

[2] Xét đơn kháng cáo của Công ty L2, Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty L2 cho rằng sau khi nhập 4 lô hàng xăng dầu đã thực hiện đầy đủ các thủ tục hải quan và nộp thuế bao gồm cả thuế phạt do nộp chậm thuế dựa trên tờ khai hải quan ban đầu nên việc Cục H ấn định lại số tiền thuế theo thời điểm chuyển tiêu thụ nội địa là không đúng, việc tính thuế phải tính từ thời điểm khai tờ khai hải quan ban đầu chứ không phải tại thời điểm chuyển tiêu thụ nội địa.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Khoản 3 Điều 37 của Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ T4 quy định: “d) *Trường hợp hàng hóa tạm nhập nhưng không tái xuất hết, doanh nghiệp đề nghị được chuyển tiêu thụ nội địa thì phải có văn bản gửi cơ quan hải quan. Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tạm nhập hàng giải quyết thủ tục nhập khẩu và thanh khoản tờ khai tạm nhập, không đăng ký tờ khai mới, doanh nghiệp chỉ khai và nộp thuế nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng (nếu có) theo quy định. Thời hạn nộp thuế, phạt chậm nộp thuế được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 18 của Thông tư này.*

Hàng hóa tạm nhập chuyển tiêu thụ nội địa phải tuân thủ chính sách thuế, chính sách quản lý nhập khẩu như hàng hóa nhập khẩu theo loại hình nhập kinh doanh”.

Căn cứ Khoản 9 Điều 10 của Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ T4 quy định: Trường hợp hàng hóa là vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa kinh doanh theo phương thức tạm nhập – tái xuất, khi được tiêu thụ nội địa phải:

a) *Kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng với cơ quan Hải quan;*

b) *Xác định lại trị giá tính thuế;*

c) *Xác định lại thời gian nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) theo hướng dẫn tại Điều 18 của Thông tư này.*

Căn cứ mục II, phần A của Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ T4 quy định: “Hàng hóa thuộc diện không chịu thuế GTGT khâu nhập khẩu theo quy định nếu thay đổi mục đích sử dụng phải kê khai, nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu theo quy định với cơ quan Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan. Thời điểm tính thuế GTGT từ thời điểm chuyển mục đích sử dụng. Tổ chức, cá nhân bán hàng hóa ra thị trường nội địa phải kê khai, nộp thuế GTGT với cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo quy định”.

Căn cứ vào các quy định trên thì Công ty L2 khi chuyển tiêu thụ số hàng tạm nhập sang tiêu thụ nội địa thì không phải khai lại tờ khai hải quan mới nhưng phải tính thuế theo mức thuế xuất nhập khẩu tại thời điểm xin chuyển tiêu thụ nội địa nên Cục Trưởng Cục H đã ban hành Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ nhằm ấn định lại thuế đối với Công ty L2 theo mức thuế suất tại thời điểm Công ty L2 chuyển hàng tạm nhập khẩu sang tiêu thụ nội địa là phù hợp theo quy định tại Điều 39, Khoản 3 Điều 110 của Luật quản lý thuế năm 2006.

Do, Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ có sai sót về số tiền ấn định thuế, lý do ấn định thuế và thời hạn nộp thuế nên Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H đã ban hành Quyết định số 2169/QĐ-HQTPHCM điều chỉnh các sai sót này theo đúng quy định của pháp luật.

Từ những viện dẫn trên xét thấy Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá và áp dụng các quy định của pháp luật về Luật quản lý thuế cùng các văn bản hướng dẫn; để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty L2 yêu cầu hủy các Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ và Quyết định số 2169/QĐ-HQTPHCM là có căn cứ.

Công ty L2 kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung và quyết định của Bản án sơ thẩm. Do vậy đơn kháng cáo của Công ty L2 không có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện nên Công ty cổ phần L2 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty cổ phần L2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 325/2023/HC-ST ngày 20/3 /2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Khoản 4 Điều 32, Điều 158, Điều 116, điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Áp dụng Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2006 của Bộ T4 hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;

Áp dụng Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ T4 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty cổ phần L2 yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ ngày 17/12/2019 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Quyết định số 2169/QĐ-HQTPHCM ngày 31/10/2022 của Cục Trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 333/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ ngày 17/12/2019 của Cục Trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Quyết định số 596/QĐ-HQTPHCM ngày 15/3/2023 về việc sửa đổi nội dung của Bảng kê chi tiết đính kèm Quyết định số 2169/QĐ-HQTPHCM ngày 31/10/2022; Quyết định số 2173/QĐ-HQHCM ngày 12/11/2020 của Cục Trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền gửi nộp ngân sách Nhà nước; Quyết định số 2313/QĐ-HQTPHCM ngày 22/11/2022 của Cục Trưởng Cục Hải quan Thành phố H về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 2173/QĐ-HQHCM về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền gửi nộp ngân sách Nhà nước;

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Công ty cổ phần L2 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004691 ngày 11/5/2023 của Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cổ phần L2 đã nộp xong tiền án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (1)
- Cục THADS TP. HCM; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (Án - Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành

